

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là Quyết định số 24); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư số 07); Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021; Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 25/8/2021 của UBND huyện về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021.

Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 (gọi tắt là Kế hoạch rà soát) với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021.

1.2. Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07, Quyết định số 24 là cơ sở để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2022 và các

năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 phải được thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 phải được thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được quy định tại Quyết định số 24 và Thông tư số 07 đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc và sự tham gia của người dân.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi: Thực hiện trên địa bàn toàn xã

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

III. NỘI DUNG

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018). Các bước thực hiện theo Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 25/8/2021 của UBND huyện .

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025

2.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.
- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế;

trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

2.1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2.2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

2.2.1. Quy trình rà soát định kỳ (theo quy định tại điều 4 Quyết định số 24)

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03). **Xong trước ngày 02/9/2021.**

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với tổ rà soát thôn lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Tổ trưởng tổ rà soát và các thành viên chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo

để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2). *Xong trước ngày 15/9/2021.*

Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát. *Xong trước ngày 20/9/2021.*

- Thành phần cuộc họp: Công chức phụ trách thôn, trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, các đoàn thể, thành viên tổ rà soát và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, Mẫu số 07) tại nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc. *Xong trước ngày 25/9/2021.*

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc. *Xong trước ngày 10/10/2021.*

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (ngay sau khi rà soát).

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 06, Mẫu số 08). *Xong trước ngày 15/10/2021.*

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản. *Xong trước ngày 26/10/2021.*

Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo. *Xong trước ngày 29/10/2021.*

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

Bước 7. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

UBND cấp huyện tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). **Xong trước ngày 05/11/2021.**

2.2.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24.
- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

2.2.3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24.
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

2.3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24: Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):
 - + Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;
 - + Ở khu vực thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2.3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:
 - + Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm
 - + Khu vực thành thị: hộ có điểm $B1 \leq 175$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm
- Hộ cận nghèo:
 - + Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm
 - + Khu vực thành thị: hộ có điểm $B1 \leq 175$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm

2.4. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

2.5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát

Hệ thống biểu gồm: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định số 24, Thông tư số 07 đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

3. Báo cáo kết quả rà soát

3.1. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2021

3.1.1. Báo cáo sơ bộ

- Tổ trưởng tổ rà soát thôn báo cáo chủ tịch UBND xã trước ngày **23/10/2021**. **Hồ sơ báo cáo:** Biểu mẫu số 06,08

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện **trước ngày 24/10/2021**. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và Biểu tổng hợp theo Mẫu số 06, Mẫu số 08.

3.1.2. Báo cáo chính thức (gồm kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020 và chuẩn giai đoạn 2022 - 2025):

- Hồ sơ thôn: **Trước ngày 01/11/2021**, bao gồm:
+ Biên bản niêm yết, biên bản họp thôn mẫu 05
+ Các loại biểu mẫu danh sách gửi kèm: Mẫu 01, mẫu 02 (Phiếu A), mẫu 03, Phiếu điều tra B, 04,05,06,07.

- Hồ sơ báo cáo được lập, lưu tại cấp xã, huyện. Cụ thể:

Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) **trước ngày 05/11/2021**. Hồ sơ báo cáo 02 bộ, gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã (Mẫu số 19) kèm hệ thống biểu tổng hợp của cấp xã từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 18 theo chuẩn giai đoạn 2022 - 2025.

- Quyết định công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã kèm các biểu mẫu tổng hợp theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020.

- Hồ sơ lưu tại UBND cấp xã gồm: (1) Hệ thống bảng biểu, Giấy đề nghị rà soát, Phiếu rà soát; (2) Văn bản xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp xã và văn bản trả lời của Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát; (3) Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã, biểu tổng hợp của xã; (4) Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch UBND cấp huyện kèm các biểu mẫu tổng hợp; (5) Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tại cấp xã.

3.2. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có). Chủ tịch UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 đã được phân bổ tại Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa bàn được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Trưởng Ban rà soát giảm nghèo *trước ngày 28/10/2021*.

2. Công chức Văn hóa – Xã hội

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ngành có liên quan triển khai Kế hoạch rà soát; chỉ đạo, tổ chức, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc tổ rà soát thực hiện rà soát.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cho thành viên Ban Chỉ đạo cấp xã và tổ rà soát thôn.

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn phục vụ việc rà soát.

- Tham mưu cho UBND xã kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.

- Tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND xã kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ và chính thức.

- Tham mưu cho chủ tịch UBND xã ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

3. Đài truyền thanh xã

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021; tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.

- Chỉ đạo các tổ chức thành viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực thông tin, tuyên truyền và thực hiện giám sát việc rà soát ở thôn.

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát trên địa bàn đúng vào thời điểm tình hình dịch bệnh covid-19 đang có diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, nguy cơ lây lan bùng phát cao. Để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị, cá nhân được giao thực hiện Kế hoạch rà soát, đặc biệt là lực lượng rà soát viên khi tiếp xúc với người dân, hộ gia đình để tiến hành rà soát phải thực hiện nghiêm các quy định phòng chống dịch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và ngành y tế đang áp dụng trên địa bàn.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, đề nghị các đồng chí phản ánh kịp thời về Ban Chỉ đạo (qua công chức Văn hóa – Xã hội xã) để phối hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (để b/c);
- Phòng Lao động - TBXH (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Thành viên BCĐ;
- Trưởng thôn;
- Đài truyền thanh (đưa tin);
- Lưu: VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngô Văn Quyền

